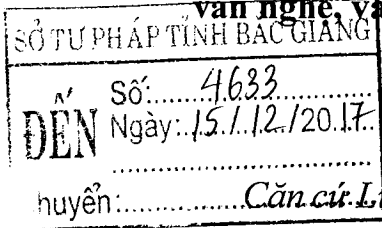


Số: 41 /2017/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định khen thưởng khuyến khích thành tích đạt được trong lĩnh vực thể thao, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, văn hoá - văn nghệ, văn học - nghệ thuật và báo chí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 264/TTr-SNV ngày 09 tháng 11 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khen thưởng khuyến khích thành tích đạt được trong lĩnh vực thể thao, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, văn hoá - văn nghệ, văn học - nghệ thuật và báo chí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 284/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích trong lĩnh vực thể thao, văn hóa - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo và thông tin - truyền thông.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *2/5*

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT.HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- VP. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP. HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, TKCT, các phòng thuộc VP;
- + Trung tâm thông tin;
- + Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lại Thanh Sơn

QUY ĐỊNH

Khen thưởng khuyến khích thành tích đạt được trong lĩnh vực thể thao, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, văn hoá - văn nghệ, văn học - nghệ thuật và báo chí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về khen thưởng khuyến khích thành tích đạt được trong lĩnh vực thể thao, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, văn hoá - văn nghệ, văn học - nghệ thuật và báo chí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể, cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố cử tham gia và lập được thành tích trong các cuộc thi, giải đấu, giải xét, đại hội, tranh cúp, liên hoan, triển lãm, hội thi, hội diễn (gọi chung là cuộc thi) chính thức cấp quốc gia, khu vực quốc gia, cấp tỉnh trong các lĩnh vực: Thể thao, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật (cuộc thi khoa học kỹ thuật, hội thi sáng tạo kỹ thuật và cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng), văn hoá - văn nghệ, văn học - nghệ thuật và báo chí. Huấn luyện viên, giáo viên được Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn của tỉnh phân công đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng tập thể, cá nhân lập được thành tích tại các cuộc thi nói trên.

2. Cá nhân thuộc tỉnh Bắc Giang trong thành phần các đội tuyển (đoàn) quốc gia hoặc tập thể, cá nhân do Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản đồng ý cho phép tham gia dự các giải thi đấu và đạt được thành tích tại các cuộc thi chính thức trên phạm vi quốc tế, khu vực quốc tế trong lĩnh vực: Thể thao, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, văn hoá - văn nghệ, văn học - nghệ thuật và báo chí.

3. Cá nhân không thuộc tỉnh Bắc Giang nhưng nằm trong danh sách các đội tuyển (đoàn) của tỉnh Bắc Giang thi đấu mang lại thành tích cho tỉnh Bắc Giang trong các cuộc thi.

4. Các cơ quan, đơn vị có liên quan và người có thẩm quyền khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cuộc thi quốc tế là cuộc thi được tổ chức trên phạm vi toàn thế giới.
2. Cuộc thi khu vực quốc tế là cuộc thi được tổ chức trên phạm vi một khu vực Châu lục, Châu lục hoặc liên Châu lục.
3. Cuộc thi quốc gia là cuộc thi được tổ chức trên phạm vi toàn quốc.

4. Cuộc thi khu vực quốc gia là cuộc thi được tổ chức trên phạm vi khu vực hoặc liên khu vực trong nước.

5. Cuộc thi cấp tỉnh là cuộc thi do UBND tỉnh tổ chức (hoặc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tổ chức trên phạm vi toàn tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao).

6. Huấn luyện viên, giáo viên là người có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền cấp, phù hợp với các lĩnh vực đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng tại quy định này và được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia huấn luyện, bồi dưỡng.

7. Vận động viên, diễn viên, học viên, hội viên, học sinh là công dân Việt Nam trong danh sách được cử đi tham gia các cuộc thi.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng

1. Việc khen thưởng phải đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, kịp thời, đúng thành tích và đối tượng.

2. Tập thể, cá nhân đã được Trung ương khen thì Chủ tịch UBND tỉnh chỉ thưởng tiền khuyến khích, không tặng Bằng khen.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Trong năm Chủ tịch UBND tỉnh xem xét tặng Bằng khen 01 lần kèm theo tiền thưởng (theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành) cho đối tượng lập được thành tích trong cuộc thi thuộc các lĩnh vực sau:

a) Lĩnh vực thể thao:

Tập thể, cá nhân tham gia và đoạt được thành tích huy chương vàng hoặc giải nhất trong các cuộc thi chính thức cấp quốc gia; huy chương đồng hoặc giải ba trở lên trong các cuộc thi khu vực quốc tế và quốc tế. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện tập thể, cá nhân lập được thành tích tại các cuộc thi nói trên.

b) Lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, văn hoá - văn nghệ, văn học - nghệ thuật và báo chí:

Tập thể, cá nhân tham gia và đoạt thành tích từ huy chương đồng hoặc giải ba (giải C) trở lên trong các cuộc thi chính thức cấp quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế. Giáo viên trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng tập thể, cá nhân đạt được thành tích: Giải ba (giải C hoặc huy chương đồng) trở lên tại các cuộc thi cấp quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế; 02 giải cuộc thi cấp tỉnh trong đó có 01 giải nhất (huy chương vàng) và 01 giải từ huy chương đồng (giải ba) trở lên (trừ lĩnh vực báo chí); giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia.

Đối với các môn thi do nhóm giáo viên đào tạo, bồi dưỡng học sinh đoạt được giải thưởng mỗi môn thi lựa chọn tối đa 02 giáo viên có thành tích tiêu biểu đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

2. Đối với tập thể, cá nhân đoạt thành tích tại các cuộc thi chính thức được tổ chức ở phạm vi cấp tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho cơ quan chuyên môn được giao chủ trì tổ chức cuộc thi cấp giấy chứng nhận thành tích hoặc có các hình thức khen thưởng phù hợp để ghi nhận, biểu dương.

Điều 6. Thưởng tiền khuyến khích

1. Chủ tịch UBND tỉnh thưởng tiền khuyến khích cho đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 2 quy định này được cử tham gia và đoạt huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải đặc biệt, giải nhất (A), nhì (B), ba (C) và khuyến khích trong các cuộc thi chính thức thuộc phạm vi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia, khu vực quốc gia và cấp tỉnh.

2. Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được tính theo mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định khen thưởng. Tiền thưởng sau khi nhân hệ số thưởng tương ứng với mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.

3. Trong cùng một thời điểm, tại một cuộc thi tập thể, cá nhân đạt được nhiều giải thưởng (hoặc huy chương) ở các nội dung thi đấu khác nhau thì được nhận tiền thưởng của tất cả các giải. Giáo viên, huấn luyện viên đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng tập thể, cá nhân đạt nhiều giải thưởng (hoặc huy chương) thì mức thưởng chung cho 01 huấn luyện viên (hoặc giáo viên) được tính bằng mức thưởng của giải cao nhất cộng với 1/2 tổng mức thưởng của các giải còn lại, nhưng tổng số tiền thưởng không vượt quá ba lần tiền thưởng của giải cao nhất.

Điều 7. Mức thưởng trong lĩnh vực thể thao

1. Mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc tế, khu vực quốc tế được tính như sau:

Đơn vị tính: Hệ số

S T T	Tên cuộc thi	Thành tích		
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
1	Đại hội Olympic	52	28	20
2	Đại hội Olympic trẻ	20	10	8,0
3	Giải thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Olympic)	28	15	12
4	Giải thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại)	21	12	10
5	Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD)	23	13	10
6	Đại hội Thể thao trong nhà Châu Á (Indoor Games)	18	9,0	7,0

7	Giải châu Á hoặc cúp Châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm I (các môn thể thao trong chương trình thi đấu của Olympic)	20	10	8,0
8	Giải Châu Á hoặc cúp Châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn còn lại)	17	9,0	7,0
9	Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	15	8,0	6,5
10	Giải Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I (các môn trong chương trình thi đấu của Olympic)	13	7,0	5,0
11	Giải Đông Nam Á từng môn nhóm II (các môn thể thao còn lại)	10	5,0	3,5

Vận động viên phá kỷ lục so với thành tích cao nhất trong lịch sử cuộc thi đó thì thưởng thêm bằng 30% mức thưởng tương ứng của vận động viên đoạt huy chương vàng.

2. Vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao trẻ thế giới, Châu Á, Đông Nam Á được thưởng bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản 1 Điều này (trừ Đại hội Olympic trẻ).

3. Vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên thế giới, Châu Á, Đông Nam Á được thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Mức thưởng đối với các cuộc thi đấu thể thao trong nước như sau:

Đơn vị tính: Hệ số

STT	Tên cuộc thi	Thành tích		
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
1	Đại hội thể dục thể thao toàn quốc; giải vô địch quốc gia từng môn của các môn thể thao thành tích cao	8,0	6,0	3,0
2	Giải vô địch quốc gia từng môn của các môn thể thao quần chúng	4,0	3,0	1,5
3	Giải trẻ quốc gia, giải chính thức các bộ môn khu vực quốc gia	4,0	3,0	1,5
4	Giải toàn quốc dành cho học sinh, sinh viên; Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc	3,0	1,5	1,0
5	Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh; giải thể thao cấp tỉnh từng môn	2,0	1,0	0,6
6	Giải thể thao khu vực quốc gia, cấp tỉnh dành cho học sinh, sinh viên	1,5	0,8	0,5

Vận động viên phá kỷ lục so với thành tích cao nhất trong lịch sử cuộc thi đó thì thưởng thêm bằng 30% mức thưởng tương ứng của vận động viên đoạt huy chương vàng.

5. Đối với các môn thể thao tập thể, số lượng vận động viên được thưởng khi đạt thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với mức thưởng của vận động viên đạt giải tương ứng.

6. Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi) mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng của một vận động viên đạt giải tương ứng.

7. Số lượng vận động viên các môn thể thao tập thể, môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội được xác định theo thực tế nhưng không nhiều hơn so với quy định của điều lệ giải.

8. Mức thưởng đối với huấn luyện viên:

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện đội tuyển thi đấu lập được thành tích, mức thưởng chung cho 01 huấn luyện viên thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 6 quy định này. Số lượng huấn luyện viên của các đội thi đấu được quy định cụ thể như sau:

Đội thuộc môn thi đấu có dưới 06 vận động viên tham gia thi đấu mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

Đội thuộc môn có từ 06 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu mức thưởng chung tính cho không quá 02 huấn luyện viên.

Đội thuộc môn có từ 13 vận động viên trở lên tham gia thi đấu mức thưởng chung tính cho không quá 03 huấn luyện viên.

b) Mức thưởng chung cho huấn luyện viên các môn thi đấu đồng đội bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại điểm a, khoản này nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

c) Đội tuyển có vận động viên được đào tạo, huấn luyện ở cơ sở trước khi tham gia tập trung đội tuyển đi thi đấu, tỷ lệ phân chia tiền thưởng thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện đội tuyển trước khi đi thi hưởng 70%, huấn luyện viên đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 30%.

9. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật Đông Nam Á, Châu Á, thế giới được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng của vận động viên, huấn luyện viên quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này.

Điều 8. Mức thưởng trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật

1. Mức thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đang học ở các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cao đẳng, trung cấp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo

dục nghề nghiệp đạt thành tích trong kỳ thi Olympic quốc tế các môn học, kỹ năng nghề và các cuộc thi thuộc lĩnh vực khoa học - kỹ thuật quốc tế như sau:

Đơn vị tính: Hệ số

STT	Thành tích	Mức thưởng
1	Giải nhất (Huy chương vàng)	52
2	Giải nhì (Huy chương bạc)	26
3	Giải ba (Huy chương đồng)	20
4	Giải khuyến khích	6,0

2. Mức thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đang học ở các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cao đẳng, trung cấp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh đạt thành tích trong kỳ thi Olympic khu vực quốc tế các môn học, kỹ năng nghề và các cuộc thi thuộc lĩnh vực khoa học - kỹ thuật khu vực quốc tế như sau:

Đơn vị tính: Hệ số

STT	Tên cuộc thi	Thành tích			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Khuyến khích
1	Kỳ thi Châu Á (hoặc Châu Á - Thái Bình Dương)	24	12	10	3,0
2	Kỳ thi Đông Nam Á	15	9,0	6,5	2,0

3. Mức thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đang học ở các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cao đẳng, trung cấp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh đạt thành tích trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia các môn văn hóa, kỹ năng nghề và các cuộc thi thuộc lĩnh vực khoa học - kỹ thuật quốc gia như sau:

Đơn vị tính: Hệ số

STT	Thành tích	Mức thưởng
1	Giải nhất (Huy chương vàng)	8,0
2	Giải nhì (Huy chương bạc)	6,0
3	Giải ba (Huy chương đồng)	3,0
4	Giải khuyến khích	1,5

4. Mức thưởng đối với học sinh, học viên đang học ở các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cao đẳng, trung cấp đạt thành tích trong kỳ thi khu

vực quốc gia, cấp tỉnh các môn văn hoá và cuộc thi khoa học - kỹ thuật do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức như sau:

Đơn vị tính: Hệ số

STT	Thành tích	Mức thưởng
1	Giải nhất (Huy chương vàng)	2,0
2	Giải nhì (Huy chương bạc)	1,5
3	Giải ba (Huy chương đồng)	1,0
4	Giải khuyến khích	0,6

5. Giáo viên trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng học sinh, sinh viên lập được thành tích trong các cuộc thi có mức thưởng chung được tính dựa trên số giải học sinh, sinh viên đạt được. Đối với bộ môn có 01 giáo viên đào tạo, bồi dưỡng mức thưởng chung được tính theo quy định tại khoản 3, Điều 6 quy định này; đối với bộ môn có nhiều giáo viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng mức thưởng chung được tính tối đa bằng 02 giáo viên.

Bộ môn có học sinh, sinh viên được đào tạo, bồi dưỡng ở cơ sở trước khi tham gia tập trung đội tuyển đi thi. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng thực hiện theo nguyên tắc: Giáo viên trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng đội tuyển trước khi đi thi được hưởng 70%, giáo viên đào tạo, bồi dưỡng học sinh, sinh viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 30%.

Điều 9. Mức thưởng trong lĩnh vực văn hoá - văn nghệ

1. Mức thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích trong cuộc thi biểu diễn văn nghệ chuyên nghiệp, hội diễn, liên hoan văn nghệ chuyên nghiệp toàn quốc như sau:

Đơn vị tính: Hệ số

STT	Thành tích	Tập thể	Cá nhân
1	Giải nhất (Huy chương vàng hoặc giải A)	10	7,0
2	Giải nhì (Huy chương bạc hoặc giải B)	7,0	4,5
3	Giải ba (Huy chương đồng hoặc giải C)	5,0	2,5

Các tiết mục song ca, tam ca, đồng ca đạt các giải vàng, bạc, đồng thì thưởng bằng mức thưởng của giải cá nhân; tiết mục hợp xướng (được Hội đồng hoặc Ban giám khảo xác định) mức thưởng bằng 1,5 lần mức thưởng của giải tập thể tương ứng.

2. Mức thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích trong cuộc thi biểu diễn văn nghệ không chuyên toàn quốc và các cuộc thi văn nghệ biểu diễn chuyên nghiệp cấp khu vực quốc gia như sau:

Đơn vị tính: Hệ số

STT	Thành tích	Tập thể	Cá nhân
1	Giải nhất (Huy chương vàng hoặc giải A)	5,0	2,5
2	Giải nhì (Huy chương bạc hoặc giải B)	3,0	2,0
3	Giải ba (Huy chương đồng hoặc giải C)	2,0	1,0

Các tiết mục song ca, tam ca, đồng ca đạt các giải vàng, bạc, đồng thì thưởng bằng mức thưởng của giải cá nhân; tiết mục hợp xướng (được Hội đồng hoặc Ban giám khảo xác định) mức thưởng bằng 1,5 lần mức thưởng của giải tập thể tương ứng.

3. Mức thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích trong cuộc thi biểu diễn văn nghệ không chuyên cấp khu vực quốc gia như sau:

Đơn vị tính: Hệ số

STT	Thành tích	Tập thể	Cá nhân
1	Giải nhất (Huy chương vàng hoặc giải A)	4,0	2,0
2	Giải nhì (Huy chương bạc hoặc giải B)	2,5	1,5
3	Giải ba (Huy chương đồng hoặc giải C)	1,5	1,0

4. Đối với học sinh, sinh viên và tập thể học sinh, sinh viên đạt thành tích trong các cuộc thi văn nghệ cấp toàn quốc được thưởng mức bằng mức thưởng quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Học sinh, sinh viên và tập thể học sinh, sinh viên đạt thành tích trong các cuộc thi văn nghệ cấp khu vực các tỉnh được thưởng mức bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Giáo viên, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng học sinh, sinh viên, diễn viên đạt thành tích tại các cuộc thi thuộc lĩnh vực văn hóa - văn nghệ, mức thưởng chung được tính theo quy định tại khoản 3, Điều 6 quy định này. Số lượng giáo viên, huấn luyện viên được tính là một người trên mỗi nội dung tham gia cuộc thi.

Điều 10. Mức thưởng trong lĩnh vực văn học - nghệ thuật

1. Tác giả hoặc nhóm tác giả có tác phẩm đạt thành tích tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm, sáng tác mỹ thuật, nhiếp ảnh, văn nghệ dân gian, kiến trúc, âm nhạc, múa, kịch bản sân khấu, điện ảnh, văn học, lý luận phê bình, mức thưởng như sau:

Đơn vị tính: Hệ số

STT	Cuộc thi	Giải đặc biệt	Giải nhất (A) hoặc huy chương vàng	Giải nhì (B) hoặc huy chương bạc	Giải ba (C) hoặc huy chương đồng	Giải KK
1	Quốc tế	25	15	9,0	6,0	2,0
2	Khu vực quốc tế	20	12	6,0	4,0	1,5
3	Quốc gia	12	08	4,5	2,0	1,0
4	Khu vực quốc gia	8,0	5,0	3,0	1,5	1,0

Đối với nhóm tác giả đạt thành tích thì tỷ lệ phân chia do các thành viên trong nhóm quyết định theo công sức đóng góp.

2. Học sinh, sinh viên là tác giả đạt giải trong các cuộc thi, liên hoan, triển lãm, sáng tác mỹ thuật, âm nhạc mức thưởng bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Giáo viên, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng học sinh, sinh viên, đạt thành tích tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm, sáng tác mỹ thuật, âm nhạc mức thưởng chung được tính theo quy định tại khoản 3, Điều 6 quy định này. Số lượng giáo viên, huấn luyện viên được tính là một người trên mỗi nội dung tham gia cuộc thi.

Điều 11. Mức thưởng trong lĩnh vực báo chí

1. Mức thưởng cho tác giả (hoặc nhóm tác giả) có tác phẩm đoạt giải báo chí Thân Nhân Trung của tỉnh như sau:

Đơn vị tính: Hệ số

STT	Loại hình	Giải đặc biệt	Giải A	Giải B	Giải C	Giải KK
1	Báo hình	14	12	9,0	7,0	3,0
2	Báo in, báo phát thanh, báo điện tử, ảnh báo chí	12	10	8,0	5,0	2,0

2. Mức thưởng cho tác giả (hoặc nhóm tác giả) có tác phẩm đoạt giải báo chí quốc tế và khu vực quốc tế được thưởng bằng 200%, giải báo chí quốc gia bằng 150% và giải báo chí theo ngành dọc trung ương tổ chức bằng 100% mức thưởng tương ứng của giải báo chí Thân Nhân Trung.

3. Trường hợp một tác phẩm báo chí tham gia nhiều cuộc thi khác nhau và đạt được nhiều giải thưởng, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ thưởng tiền khuyến khích không quá 02 lần cho tác giả của tác phẩm đạt được các giải thưởng.

Điều 12. Thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ khen thưởng thực hiện theo thủ tục đơn giản quy định tại khoản 3, Điều 55 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thời gian thẩm định hồ sơ và thời gian thông báo kết quả khen thưởng thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2 và điểm b, khoản 3 Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Trách nhiệm của Giám đốc, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tập thể, cá nhân được cử tham dự cuộc thi thuộc lĩnh vực ngành quản lý có trách nhiệm thiết lập hồ sơ và chịu trách nhiệm về việc đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 14. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện các mức thưởng theo quy định này được chi từ Quỹ Thi đua, khen thưởng tỉnh.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được sử dụng các hình thức động viên, khuyến khích khác ngoài hình thức khen thưởng tại quy định này nhưng không trái với quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng), để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Thanh Sơn